

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quy hoạch – Kiến trúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026. Những nội dung sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Thủ tục hành chính lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn tại Phần I.3 và Phần II.3 Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Quyết định số 164/QĐ-BXD ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

4. Các thủ tục hành chính lĩnh vực kiến trúc tại tiểu mục II mục I.2 Phần I và mục II Phần II Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung

trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 709/QĐ-BXD ngày 13/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Bộ, Trung tâm CNTT;
- Cổng thông tin điện tử BXD;
- Lưu: VT, QHKT^(ntk).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Nguyễn Tường Văn



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ
KHU VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 975 /QĐ-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; - Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	- Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan, tổ chức quản lý khu chức năng.

2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	1.008881	Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Bộ Xây dựng.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.008891	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.
2	1.008990	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.
3	1.008989	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.
4	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.
5	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Kiến trúc	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh.

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN DO NHÀ ĐẦU TƯ ĐÃ ĐƯỢC LỰA CHỌN ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỔ CHỨC LẬP (Mã TTHC 1.014157)

1. Trình tự thực hiện:

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy hoạch hoặc hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, hoặc Cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan, tổ chức quản lý khu chức năng.

- Cơ quan thẩm định kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ và tổ chức thẩm định theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên hội đồng thẩm định, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và gửi nhà đầu tư.

- Nhà đầu tư tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định; hoàn thiện hồ sơ, gửi lại cơ quan thẩm định kiểm tra và làm cơ sở ban hành báo cáo thẩm định.

2. Cách thức thực hiện: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ bản giấy trực tiếp đến Trung tâm dịch vụ hành chính công của địa phương và cập nhật hồ sơ điện tử thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia để đồng bộ lên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Mục 2, Mục 3 Chương III Thông tư số 16/2025/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 và Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026, bao gồm:

+ *Hồ sơ bản giấy, bao gồm: Tờ trình, thuyết minh và bản vẽ trong hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn¹.*

+ *Hồ sơ điện tử, bao gồm: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ quy hoạch bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.*

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: *20 ngày làm việc² kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư đã được lựa chọn để lập dự án đầu tư xây dựng.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn có

^{1,2} Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

- Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã.

- Cơ quan chuyên môn thuộc cơ quan, tổ chức quản lý khu chức năng đối với quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, tổ chức quản lý khu chức năng.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Báo cáo thẩm định quy hoạch hoặc báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn theo Mẫu số 06 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

8. Lệ phí, phí (nếu có): Theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ trình thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn theo Mẫu số 05 Phụ lục III kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;
- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;
- Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày

30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

Mẫu số 05: Mẫu Tờ trình thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn
(Được ban hành kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
 TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
 BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../TTr-...[1]...

...[3]..., ngày...tháng...năm...

TỜ TRÌNH

Thẩm định quy hoạch ...[2]...

Mã số thông tin quy hoạch: ...[một dãy số gồm 12 ký tự số]...

Kính gửi: ...[Cơ quan thẩm định quy hoạch]...

Căn cứ:

...[Liệt kê đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản pháp luật khác có liên quan (nếu có)]...

I. QUÁ TRÌNH LẬP QUY HOẠCH

...[Nêu các mốc thời gian, nội dung công việc đã triển khai của cơ quan tổ chức lập quy hoạch từ thời điểm Nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến thời điểm có Tờ trình thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn.]...

II. VIỆC LẤY Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

1. Trong quá trình lập quy hoạch

...[Nêu quá trình việc tổ chức lấy ý kiến; việc tiếp thu, giải trình của cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đã đối với các ý kiến được góp ý bằng văn bản trong quá trình lập quy hoạch.]...

2. Tổng hợp các nội dung thay đổi của hồ sơ quy hoạch trình thẩm định so với hồ sơ tại các thời điểm lấy ý kiến góp ý

...[Nêu rõ lý do, phân tích, đánh giá các nội dung thay đổi của hồ sơ quy hoạch trình thẩm định so với hồ sơ tại các thời điểm lấy ý kiến góp ý.]...

III. NỘI DUNG TRÌNH THẨM ĐỊNH

Sau khi hoàn thiện hồ sơ theo quy định, ...[Cơ quan tổ chức lập quy hoạch]... đề nghị ...[cơ quan thẩm định quy hoạch]... thẩm định quy hoạch ...[2]... với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

...[Mô tả chi tiết phạm vi địa lý và ranh giới cụ thể của khu vực lập quy hoạch (có thể kèm theo tọa độ, mô tả vị trí địa lý); Xác định tổng diện tích lập quy hoạch (ví dụ: km² hoặc ha); Xác định thời hạn cho giai đoạn ngắn hạn và dài hạn của quy hoạch]...

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

...[Xác định tư tưởng chủ đạo, định hướng chính của quy hoạch; nêu các mục tiêu cụ thể mà quy hoạch hướng tới, bao gồm cả mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, về phát triển kinh tế-xã hội, không gian, hạ tầng, môi trường .v.v.]...

3. Tính chất/chức năng/vai trò

...[Xác định vai trò, chức năng chính của khu vực lập quy hoạch (ví dụ: là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa; là khu du lịch quốc gia; là khu sản xuất công nghiệp, v.v.).]...

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

...[Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch của từng nội dung quy hoạch đã đạt được cho từng loại quy hoạch, các giai đoạn quy hoạch. Làm rõ các khác biệt của nội dung này so với nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt (nếu có) và đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành]...

5. Các nội dung chính của quy hoạch

...[Nêu rõ các nội dung trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phù hợp với các nội dung theo từng loại quy hoạch, cấp độ, tỷ lệ bản đồ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.]...

6. Các nội dung về tổ chức thực hiện

...[Đề xuất trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện quy hoạch gồm: kiểm tra, đóng dấu thẩm định và lưu trữ; lưu trữ hồ sơ; tổ chức công bố công khai quy hoạch; xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện khác theo yêu cầu riêng của từng quy hoạch được phê duyệt.]...

(Có Phụ lục tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia; hồ sơ quy hoạch và các văn bản liên quan kèm theo)

Nơi nhận:

- ...[3]...;
-;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

...[3]...

Họ và tên

Ghi chú:

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành văn bản.

[2] Tên gọi rõ ràng, chính xác của quy hoạch; phản ánh loại quy hoạch và đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phù hợp với Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

[3] Thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành về công tác văn thư.

Mẫu số 06: Mẫu Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn

(Được ban hành kèm theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn)

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../TTr-...[1]...

...[3]..., ngày...tháng...năm...

BÁO CÁO**Kết quả thẩm định quy hoạch ...[2]...**

Mã số thông tin quy hoạch: ...[một dãy số gồm 12 ký tự số]...

Kính gửi: ...[Cơ quan, tổ chức, cá nhân phê duyệt quy hoạch]...

Căn cứ Tờ trình thẩm định Quy hoạch...[số hiệu; ngày, tháng năm ban hành]...của ... [cơ quan tổ chức lập quy hoạch]..., thực hiện chức năng thẩm định quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024, ...[cơ quan thẩm định Quy hoạch]... báo cáo ...[Cơ quan, tổ chức, cá nhân phê duyệt quy hoạch]... về việc thẩm định quy hoạch ...[2]... với những nội dung chính như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH**1. Các căn cứ pháp lý**

...[Liệt kê đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản pháp luật khác có liên quan (nếu có)]...

2. Hồ sơ trình phê duyệt

...[Liệt kê đầy đủ thành phần hồ sơ do cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch trình cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch.]...

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**1. Về quá trình thẩm định**

...[Nêu các mốc thời gian, nội dung công việc đã triển khai thẩm định từ thời điểm nhận được Tờ trình thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn đến thời điểm có Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch.]...

2. Tổ chức hội nghị thẩm định

...[Nêu thành phần tham gia, nội dung và kết quả của Hội đồng thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn]...

3. Quá trình lấy ý kiến và tiếp thu, giải trình của ... [cơ quan tổ chức lập quy hoạch]...trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch

...[Nêu tóm tắt quá trình việc tổ chức lấy ý kiến, rà soát việc tiếp thu, giải trình của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đối với: các ý kiến đã được góp ý bằng văn bản trong quá trình thẩm định quy hoạch, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và ý kiến Kết luận của Hội đồng thẩm định]....

4. Đánh giá của ...[cơ quan thẩm định Quy hoạch]...

a) Đánh giá về trình tự, thủ tục và thành phần hồ sơ

...[Đánh giá sự phù hợp của trình tự, thủ tục lập quy hoạch và thành phần hồ sơ quy hoạch với quy định của các loại, cấp độ quy hoạch tại các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.]....

b) Đánh giá về việc nội dung tiếp thu, giải trình của ...(1)... trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch

...[Đánh giá về nội dung tiếp thu, giải trình của cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch trong quá trình lập, thẩm định quy hoạch. Đối với các nội dung quy hoạch còn có ý kiến khác nhau cần đề xuất hướng giải quyết.]....

c) Đánh giá về các nội dung quy hoạch

...[Sự đầy đủ, tính hợp lý của nội dung nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 21 của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024; Sự phù hợp của nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch đô thị và nông thôn cấp trên (nếu có)]....

5. Kết luận và kiến nghị

a) Xác định rõ quy hoạch[2]... đủ căn cứ hoặc có căn cứ nhưng cần hoàn thiện, bổ sung hoặc chưa đủ căn cứ (nêu rõ lý do) để trình ...[cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch]... phê duyệt.

b) Nêu các kiến nghị khác (nếu có) để hoàn thiện, bổ sung trước khi trình...[cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch]... phê duyệt quy hoạch.

Nơi nhận:

- ...[3]...;
-;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ
ký số của cơ quan, tổ chức)

...[3]...

Họ và tên

Ghi chú:

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành văn bản.

[2] Tên gọi rõ ràng, chính xác của quy hoạch; phản ánh loại quy hoạch và đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phù hợp với Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

[3] Thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành về công tác văn thư.